

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí
trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ ...**

DỰ THẢO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc
lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản
lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm
hành chính ngày 29/11/2024;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6
năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của
Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;
Căn cứ Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-
CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận*

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể:

1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục số 01 kèm theo);

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục số 02 kèm theo).

3. Phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục số 03 kèm theo);

4. Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục số 04 kèm theo);

5. Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Phụ lục số 05 kèm theo);

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20 .

2. Nghị quyết này Bãi bỏ một phần Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

- Bãi bỏ khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND.
- Bãi bỏ khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND.
- Bãi bỏ các thứ tự số I.13, I.14, I.15, II.5 tại Phụ lục chi tiết phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương kèm theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND.
- Bãi bỏ Nghị quyết số 17/2024NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế các Bộ: TC; NN&MT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐNDTP HP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PCVP HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

PHỤ LỤC SỐ 01:**PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*

1. Đối tượng nộp phí:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các trường hợp miễn thu phí:

- Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc tặng cho quyền sử dụng đất cho cộng đồng dân cư để xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng hoặc mở rộng đường giao thông theo quy hoạch hoặc tặng cho quyền sử dụng đất để làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu phí:

Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu phí (Đồng)		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
I	ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN				
1	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu	Hồ sơ/GCN	100.000	100.000	155.000
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	Hồ sơ/GCN	100.000	100.000	115.000
3	Đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp	Hồ sơ/GCN	125.000	155.000	170.000
II	ĐỐI TỔ CHỨC				
1	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu	Hồ sơ/GCN	215.000	215.000	215.000
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	Hồ sơ/GCN	155.000	155.000	175.000
3	Đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp	Hồ sơ/GCN	290.000	290.000	355.000

3. Tổ chức thu phí:

Người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng nộp phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4. Quản lý và sử dụng phí:

a) Tỷ lệ trích lại cho tổ chức thu phí:

- Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: được trích lại 80% số phí thu được, 20% nộp ngân sách nhà nước.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo quy định của pháp luật.

b) Quản lý, sử dụng tiền phí:

- Tổ chức thu phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức thu phí phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí thu được; công khai tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật./.

PHỤ LỤC SỐ 02:
LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Đối tượng nộp lệ phí:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức có ủy quyền giải quyết các công việc về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các trường hợp miễn thu lệ phí.

- Miễn thu lệ phí đối với trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

- Miễn thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc tặng cho quyền sử dụng đất cho cộng đồng dân cư để xây dựng các công trình phục vụ lợi ích chung của cộng đồng hoặc mở rộng đường giao thông theo quy hoạch hoặc tặng cho quyền sử dụng đất để làm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu lệ phí:

Mức lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/giấy

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu lệ phí (Đồng)		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
I	ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN				
1	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu	Hồ sơ/GCN	35.000	35.000	35.000
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	Hồ sơ/GCN	25.000	25.000	30.000

3	Đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp	Hồ sơ/GCN	25.000	25.000	30.000
II	ĐỔI TỔ CHỨC				
1	Cấp Giấy chứng nhận lần đầu	Hồ sơ/GCN	40.000	40.000	45.000
2	Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	Hồ sơ/GCN	30.000	30.000	35.000
3	Đăng ký biến động trên Giấy chứng nhận đã cấp	Hồ sơ/GCN	30.000	30.000	35.000

3. Tổ chức thu lệ phí:

Người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng nộp lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4. Quản lý lệ phí:

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo quy định của pháp luật

Tổ chức thu phí phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí thu được; công khai tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật.

PHỤ LỤC SỐ 03:
PHÍ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Đối tượng nộp phí:

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các trường hợp miễn thu phí.

- Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

2. Mức thu phí:

Mức thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu phí (Đồng)		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
I	ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN				
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	-Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	120.000	150.000	180.000
	-Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	115.000	145.000	175.000
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	-Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	120.000	150.000	180.000
	-Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	115.000	145.000	175.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu phí (Đồng)		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	120.000	145.000	175.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	115.000	140.000	170.000
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	120.000	150.000	185.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	115.000	145.000	180.000
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN		150.000	
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN		145.000	
II	ĐỐI VỚI TỔ CHỨC				
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	280.000	280.000	350.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	275.000	275.000	345.000
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	280.000	280.000	350.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	275.000	275.000	345.000
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	280.000	280.000	350.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	275.000	275.000	345.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu phí (Đồng)		
			Đất	Tài sản	Đất + Tài sản
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN	265.000	275.000	350.000
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN	260.000	270.000	345.000
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất				
	- Theo hình thức trực tiếp	Hồ sơ/GCN		280.000	
	- Theo hình thức trực tuyến	Hồ sơ/GCN		275.000	

3. Tổ chức thu phí:

Người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng nộp phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4. Quản lý phí:

a) Tỷ lệ trích lại cho tổ chức thu phí:

- Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: được trích lại 80% số phí thu được, 20% nộp ngân sách nhà nước.

b) Quản lý, sử dụng tiền phí:

- Tổ chức thu phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức thu phí phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí thu được; công khai tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật./.

PHỤ LỤC SỐ 04:
PHÍ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)*

1. Đối tượng nộp phí:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được cung cấp thông tin về đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các trường hợp miễn thu phí.

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.
- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.
- Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên trong Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

2. Mức thu phí:

Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: 30.000 đồng/hồ sơ.

3. Tổ chức thu phí:

Người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng nộp phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4. Quản lý phí:

a) Tỷ lệ trích lại cho tổ chức thu phí:

- Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: được trích lại 80% số phí thu được, 20% nộp ngân sách nhà nước.

b) Quản lý, sử dụng tiền phí:

- Tổ chức thu phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức thu phí phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí thu được; công khai tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật./.

PHỤ LỤC SỐ 05:
PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Nghị quyết số...../2025/NQ-HĐND ngày...../...../2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Đối tượng nộp phí:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Các tổ chức, cá nhân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định khi có đơn đề nghị xác nhận về điều kiện nhà ở tại nơi có dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Các trường hợp miễn thu phí.

- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

- Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

- Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Phí và lệ phí khai thác thông tin của mình và khai thác thông tin người sử dụng đất khác khi được sự đồng ý của chủ sử dụng đất đó.

2. Mức thu phí:

Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai cụ thể như sau:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Thông tin đất đai		
a) Hồ sơ giao đất/thu hồi đất/thuê đất/cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hồ sơ	150.000
b) Hồ sơ về đất đai khác: Hồ sơ thanh tra đất đai hoặc khiếu nại đất đai/hồ sơ điều tra về giá đất/hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng	Hồ sơ	60.000
c) Tài liệu quy hoạch	Điểm	70.000
d) Biểu thống kê các loại đất	Tờ	30.000
e) Khai thác tài liệu khổ A4	Tờ	2.000
f) Khai thác tài liệu khổ A3	Tờ	3.000
2. Tra cứu thông tin		
a) Cá nhân	Hồ sơ	20.000
b) Tổ chức	Hồ sơ	150.000

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
3. Bản đồ quy hoạch, hiện trạng sử dụng đất		
a) Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)		
- Bản đồ tỷ lệ 1/5000, 1/10000, 1/25000	Mảnh	290.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/50000, 1/100000	Mảnh	320.000
b) Bản đồ số dạng Vector		
- Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/mảnh	145.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/10000	Lớp/mảnh	160.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/25000	Lớp/mảnh	180.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/50000	Lớp/mảnh	197.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/100000	Lớp/mảnh	220.000
c) Bản đồ số dạng Raster		
Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ		
4. Bản đồ chuyên đề		
a) Bản đồ giấy in màu (đã bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)		
- Bản đồ chuyên đề cấp tỉnh	Mảnh	250.000
- Bản đồ chuyên đề cấp huyện	Mảnh	195.000
- Bản đồ chuyên đề cấp xã	Mảnh	110.000
b) Bản đồ số dạng Vector		
- Bản đồ tỷ lệ 1/5000	Lớp/mảnh	145.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/10000	Lớp/mảnh	160.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/25000	Lớp/mảnh	180.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/50000	Lớp/mảnh	197.000
- Bản đồ tỷ lệ 1/100000	Lớp/mảnh	220.000
c) Bản đồ số dạng Raster		
Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ		
5. Bản đồ địa chính		
a) Bản đồ giấy in đen trắng (đã bao gồm chi phí in, sao chụp tài liệu)		
- Tỷ lệ 1/200, 1/500, 1/1000	Mảnh	35.000
- Tỷ lệ 1/2000, 1/5000, 1/10000	Mảnh	40.000

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
b) Bản đồ số dạng Vector		
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/200	Mảnh	250.000
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Mảnh	300.000
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000	Mảnh	350.000
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000	Mảnh	390.000
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000	Mảnh	390.000
- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000	Mảnh	390.000
c) Bản đồ số dạng Raster		
Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng Vector cùng tỷ lệ		
6. Trích lục bản đồ địa chính		
- Trích lục bản đồ địa chính (01 thửa)	Thửa	50.000
- Trích lục bản đồ địa chính (dưới 05 thửa)	Thửa	40.000
- Trích lục bản đồ địa chính (từ 05 thửa đến 10 thửa)	Thửa	33.000
- Trích lục bản đồ địa chính (trên 10 thửa)	Thửa	25.000
7. Cung cấp thông tin và xác nhận điều kiện về nhà ở xã hội	Trường hợp	95.000

3. Tổ chức thu phí:

Người dân, tổ chức nộp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng nộp phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4. Quản lý phí:

a) Tỷ lệ trích lại cho tổ chức thu phí:

- Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai: được trích lại 80% số phí thu được, 20% nộp ngân sách nhà nước.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo quy định của pháp luật.

b) Quản lý, sử dụng tiền phí:

- Tổ chức thu phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phí và Lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và Lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của

Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức thu phí phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu, nộp, sử dụng phí thu được; công khai tài chính theo quy định hiện hành của pháp luật./.